

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế
Trường Đại học Văn Lang

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-KĐCLGDSG ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 616/KH-KĐCLGDSG ngày 16 tháng 12 năm 2023 về việc ban hành kế hoạch tổ chức phiên họp lần thứ 10 của Hội đồng KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-KĐCLGDSG ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Văn Lang;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Đông phương học; Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp Lần thứ 10 ngày 07 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đoàn Đánh giá ngoài Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Văn Lang đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục độc lập, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định, quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng đã thẩm định và thống nhất kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo như sau:

Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 47 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm tỉ lệ 94,00 %; trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu”.

Điểm trung bình của các tiêu chí là: 4,14 (chi tiết trong Phụ lục 1).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Văn Lang cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo cho giai đoạn 05 năm đánh giá tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2028), được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng (chi tiết trong Phụ lục 2).

Điều 3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Văn Lang đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học cho ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Văn Lang./.

Nơi nhận:

- Trường ĐHVLT (để thực hiện);
- Phòng ĐG&CNCLGD (để giám sát);
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN KIM DUNG

PHỤ LỤC 1.
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 07/01/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100			
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4						
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4									
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	5				Tiêu chí 7.5	4	
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chuẩn 8		4,60	5	100			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.1	5						
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.2	5									
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.5	5						
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chuẩn 4		4,33	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,60	5	100	
Tiêu chuẩn 4		4,33	3				100	Tiêu chí 9.1				5
Tiêu chí 4.1	4							Tiêu chí 9.2				4
Tiêu chí 4.2	5			Tiêu chí 9.3	5							
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chuẩn 5		3,80	4				80,00	Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.1	4							Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.2	4							Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.3	3			Tiêu chí 10.2	4							
Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 10.3	3									
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.4	4									
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100	Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.4	5				Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.3	5						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.4	4						
Tiêu chí 6.7	4	Tiêu chí 11.5	4									
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)					
4,14					47		94,00					

PHỤ LỤC 2

KIẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 07/01/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Văn Lang (Trường) đã được Trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy:

I. Những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu được xác định rõ ràng theo định hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội đối với ngành Luật Kinh tế. Mục tiêu đã thể hiện được sự gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Văn Lang về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh định kỳ hàng năm (2018, 2019, 2020, 2021 và 2022); có xác định cơ hội việc làm, cơ hội học tập nâng cao, phản ánh được yêu cầu của bên liên quan qua các kết quả khảo sát của Trường/Khoa. Mục tiêu đào tạo và các chuẩn đầu ra được công bố công khai, phổ biến đến người học và các bên liên quan.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng, cấu trúc của bản mô tả chương trình đào tạo đáp ứng quy định. Bản mô tả được rà soát và ban hành vào các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022. Bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần được công bố công khai trên website của Khoa, được phổ biến thông qua các tài liệu quảng bá về chương trình đào tạo. Đề cương chi tiết học phần được lưu trữ ở Khoa, được cung cấp cho người học vào đầu học kỳ bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Các học phần của chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo bảng ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra vào các học phần. Bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần trong chương trình dạy học vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, có tham khảo ý kiến phản hồi của giảng viên của Khoa và các chuyên gia. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc có sự gắn kết từ các học phần kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành đảm bảo sự thống nhất, thể hiện các học phần tiên quyết, định kỳ rà soát, điều chỉnh hàng năm từ 2018 đến 2022, có tham khảo, đối sánh với các chương trình đào tạo tương đương của các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước.

4. Trường có tuyên bố chính thức triết lý giáo dục công khai trên trang thông tin điện tử của Trường; phổ biến triết lý giáo dục qua các buổi họp, sinh hoạt, lễ hội, các bảng tin ở nhiều nơi trong Trường và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học. Giảng viên xây dựng và tổ chức hoạt động dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra: sử dụng nhóm chiến lược dạy học trực tiếp (giải thích cụ thể, thuyết giảng, tham luận, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, tình huống); nhóm học trải nghiệm (mô hình, thực tập, thực tế); nhóm dạy học tương tác (tranh luận, thảo luận, học nhóm). Đề cương chi tiết học phần đã quy định chi tiết từng chuẩn đầu ra học phần, sử dụng phương pháp dạy và học tương ứng. Tất cả các học phần đều yêu cầu người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu, có kỹ năng cần thiết cho bậc học đại học như làm việc nhóm, thuyết trình, tranh luận, phản biện, tư vấn.

5. Trường đã ban hành văn bản quy định về việc công tác kiểm tra, đánh giá công khai trong buổi sinh hoạt đầu khóa, sinh hoạt lớp của cố vấn học tập, tài liệu gửi cho người học, trên website. Các kế hoạch, quy trình đánh giá người học nhằm đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (kèm các biểu mẫu) rõ ràng và được công bố công khai. Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được xác định rõ ràng. Các học phần đều có sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau (vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, bài tập nhóm, thuyết trình), có quy định đánh giá quá trình (chuyên cần, bài tập, thuyết trình, hoạt động nhóm). Có hệ thống công cụ đánh giá - rubrics. Trường có quy định về việc công bố kết quả đánh giá đến người học. Người học tiếp cận được quy trình khiếu nại kết quả học tập.

6. Trường có xây dựng, triển khai kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025; giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030. Trường có đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa có trình độ phù hợp với yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của ngành. Tỷ lệ giảng viên/người học qua các năm đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, cụ thể đáp ứng chuẩn quy định hiện hành. Hằng năm, năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa được xác định và đáp ứng các quy định. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và bố trí công tác của các giảng viên được thực hiện minh bạch, công khai theo đúng quy trình. Khối lượng công việc giảng viên được đo lường và đánh giá rõ ràng làm căn cứ cho các hoạt động đánh giá và khen thưởng. Các nghiên cứu khoa học được đầu tư và phát triển trong những năm gần đây với số lượng đề tài, bài báo khoa học được xuất bản trên các tạp chí có uy tín ngày càng tăng, góp phần nâng cao vị thế đào tạo của Trường.

7. Trường đã ban hành chiến lược phát triển Trường, trong đó có chiến lược và quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên. Trường đã thực hiện ký kết Thỏa ước lao động tập thể giữa người sử dụng lao động (Hiệu trưởng) và đại diện tập thể người lao động (Chủ tịch Công đoàn) để bảo vệ quyền lợi của người lao động. Đội ngũ nhân viên 226 người thông hiểu nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của 1.848 giảng viên và 42.882 người học. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở mô tả vị trí việc làm và những năng lực cần có để hoàn thành nhiệm vụ. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được công bố công khai trên các phương tiện thông tin khác nhau. Năng lực của đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng thành các tiêu chí có trọng số khác nhau và được lượng hóa khi đánh giá. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên được quan tâm, đầu tư. Việc quản lý theo kết quả công việc và khen thưởng được triển khai và thực hiện hằng năm.

8. Trường đã xây dựng đề án tuyển sinh có chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đúng quy định và được cập nhật. Có bộ phận chuyên trách, có quy trình/quy định giám sát tốt sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học; tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ đều có kế hoạch và triển khai hiệu quả. Có các chính sách học bổng hỗ trợ người học; có tư vấn, hỗ trợ và triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học. Trường có môi trường làm việc thân thiện, hấp dẫn, văn minh, hiện đại, an toàn.

9. Trường có hệ thống công nghệ thông tin (hạ tầng mạng, đường truyền internet, hệ thống wifi) do Phòng Công nghệ Thông tin phụ trách đảm bảo ổn định cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; định kỳ có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng theo quy định. Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị phù hợp để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trang thiết bị tại các phòng học, phòng

làm việc được theo dõi, quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên, luôn trong trạng thái hoạt động tốt để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có nguồn học liệu đa dạng với số lượng lớn thư viện liên kết và trao đổi học liệu với nhiều thư viện trong và ngoài nước; có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Trường đầu tư nguồn kinh phí lớn để cập nhật tài liệu cả bản in và bản điện tử phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu của các chương trình đào tạo. Trường trang bị các phòng Lab thực hành Tin học, Ngoại ngữ, phòng Studio, phòng máy thông minh, phòng thực tế ảo, phòng diễn án đáp ứng yêu cầu về thực hành của các chương trình đào tạo. Trường đã ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn; đã triển khai nhiều hoạt động về tập huấn phòng cháy chữa cháy, ký hợp đồng dịch vụ vệ sinh với các đơn vị bên ngoài. Bộ phận y tế Trường có đủ nhân lực và trang thiết bị để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động và người học. Giảng viên, nhân viên, người học hài lòng về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

10. Trường đã xây dựng hệ thống quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tổ chức đào tạo của Trường, ban hành quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học, tiến hành rà soát các quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Khoa đã tiến hành đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Trường có quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình đào tạo. Giảng viên của Trường có triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan tới việc dạy và học. Trường có các quy định hoạt động khảo sát các đối tượng như: cán bộ, giảng viên, người học đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng máy tính, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường đã xây dựng cơ chế phản hồi các bên liên quan theo hệ thống, ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Trường/Khoa chọn lọc, sử dụng để cải tiến chất lượng.

11. Trường có xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học với các chương trình đào tạo khác trong Trường. Trường có hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý dữ liệu người học do Phòng Đào tạo quản lý. Phòng phối hợp với Khoa/bộ môn thực hiện khảo sát hằng năm về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp nhằm có các số liệu về tình trạng của người học tốt nghiệp và đối sánh với các chương trình đào tạo tương tự khác của Trường. Trường và các Khoa có nhiều hình thức khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

II. Những điểm cần cải thiện, bổ sung, điều chỉnh của Trường/Khoa; Kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị Trường/Khoa khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo

1. Trường/Khoa cần rà soát, bổ sung mục tiêu của chương trình đào tạo cho phù hợp với tầm nhìn của Trường trở thành một trong những trường đại học trẻ được ngưỡng mộ nhất Châu Á. Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra theo hướng làm rõ hơn năng lực dẫn dắt và khởi nghiệp. Thu thập ý kiến của các bên liên quan một cách khoa học và có hệ thống để có cơ sở hoàn thiện chuẩn đầu ra.

2. Trường/Khoa cần rà soát bản mô tả chương trình đào tạo năm 2022 về nội dung chuẩn đầu ra nhằm đảm bảo phù hợp với Quyết định số 1626/QĐ-ĐHVL-ĐT ngày 26/10/2022. Các bản mô tả chương trình đào tạo dành cho các bên liên quan khác ngoài giảng viên và người học cần cô đọng và dựa trên khảo sát nhu cầu thông tin cụ thể. Rà soát đề cương chi tiết học phần về điều kiện tiên quyết, phân nhiệm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng cho phù hợp. Cụ thể hóa nội dung hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu. Rà soát cách phát biểu chuẩn đầu ra một số học phần theo thang đo Bloom để đảm bảo có thể đo lường, đánh giá được. Lấy ý kiến rà soát và cập nhật thường xuyên các tờ rơi, bản mô

tả giới thiệu về chương trình đào tạo, website giới thiệu chương trình đào tạo và cách thức phổ biến các thông tin này sao cho phong phú và sinh động hơn. Rà soát thông tin về mục tiêu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trên website của Khoa để đảm bảo tính thống nhất với văn bản chính thức của Trường.

3. Trường/Khoa cần rà soát tổng thể toàn bộ các học phần của chương trình dạy học để thể hiện rõ sự tương thích với các kỹ năng mềm; năng lực tự chủ và trách nhiệm; trình bày ma trận “Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) với các mức độ đóng góp hợp lý và chính xác hơn. Lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá nội dung từng học phần và sự đóng góp của từng học phần đối với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo một cách toàn diện. Trường/Khoa cần rà soát lại ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần và từng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho phù hợp. Rà soát lại chuẩn đầu ra của các học phần đảm bảo kết nối chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của học phần, thiết kế ma trận chuẩn đầu ra đảm bảo đạt về mức độ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Rà soát tổ hợp các phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá của toàn bộ các học phần một cách đồng bộ. Phân tích mức đạt chuẩn đầu ra của người học tốt nghiệp để điều chỉnh. Tăng cường số lượng học phần tự chọn theo định hướng nghề nghiệp để tăng tính linh hoạt của chương trình đào tạo.

4. Trường/Khoa cần tổ chức thường xuyên hơn các hội thảo, tọa đàm về cách thức lồng ghép triết lý giáo dục vào hoạt động giảng dạy và học tập nhằm chia sẻ và lan tỏa những kinh nghiệm cụ thể hóa triết lý giáo dục sâu rộng trong Trường và Khoa Luật. Hoạt động dạy và học trong các một số đề cương học phần cần được mô tả cụ thể có tính chọn lọc đối với từng bước, từng nội dung trong chương trình dạy học theo chuẩn đầu ra. Trường và Khoa cần tăng thời lượng và đưa người học đi thực tế sớm hơn, tăng cường mời nhà tuyển dụng, cựu người học chia sẻ kiến thức thực tế, kỹ năng mềm với người học nhiều hơn. Thường xuyên tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp thông qua việc kết nối các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động với nhiều chủ đề thiết thực. Tăng cường cơ hội giao lưu với đối tác nước ngoài, công ty đa quốc gia.

5. Trường cần hướng dẫn cụ thể việc xây dựng ma trận các câu hỏi thi/kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng loại chuẩn đầu ra trong các đề cương chi tiết học phần; định kỳ thực hiện rà soát tổng thể và đánh giá về độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp; sử dụng các ma trận đề thi và công cụ công nghệ thông tin nhằm đánh giá chất lượng các câu hỏi thi/kiểm tra, đánh giá cuối kỳ theo chuẩn đầu ra đã công bố; giám sát việc đo lường các PI từ các học phần để đo lường tổng thể các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Trường và Khoa cần tập huấn chuyên sâu về việc xây dựng các rubrics nhằm đo các chuẩn đầu ra về các kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm chi tiết và đồng bộ nhằm đạt độ giá trị của việc kiểm tra, đánh giá. Xây dựng đủ ngân hàng đề thi và thường xuyên cập nhật, đánh giá chất lượng các ngân hàng đề thi. Cần định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan, nhất là người học và giảng viên về các quy định phản hồi để cải tiến các quy định cũng như lấy ý kiến của người học về việc sử dụng ý kiến phản hồi giúp giảng viên điều chỉnh các nội dung và hoạt động dạy học. Bổ sung rõ các quy định phản hồi về kết quả học tập của người học trong tất cả các đề cương chi tiết học phần. Cần có quy định rõ ràng về việc giải đáp thắc mắc cho người học về kết quả chấm phúc khảo bài thi nếu người học có nhu cầu.

6. Khoa cần xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn cấp Khoa cho phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025 và giai đoạn 2020 -2025, tầm nhìn 2030. Qua đó, kế hoạch phát triển trung hạn

và dài hạn cấp Khoa cần có các chỉ số đánh giá thực hiện công việc. Cần đối sánh với kế hoạch phát triển của Trường và phân tích nguyên nhân những năm chưa đạt được để có cơ sở cải tiến trong công tác nhân sự. Cần xác định rõ đặc điểm, tính chất của các hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên, để xác định khối lượng công việc cho phù hợp. rà soát và hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) thể hiện đầy đủ năng lực của giảng viên về ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực phục vụ cộng đồng, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc. Tổ chức khảo sát sự hài lòng của giảng viên về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng của Trường.

7. Trường cần quy hoạch đội ngũ nhân viên giai đoạn 2021-2025 một cách cụ thể hơn. Cần bổ sung đội ngũ nhân viên và có giải pháp để củng cố, ổn định đội ngũ nhân viên. Cần tham khảo ý kiến của các bên liên quan về yêu cầu, tiêu chuẩn đối với vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đối với nhân viên. Cần xem xét lại quy trình đánh giá nhân viên tạo điều kiện cho nhân viên cùng đơn vị được đóng góp ý kiến trong việc đánh giá năng lực và khen thưởng đồng nghiệp.

8. Trường/Khoa cần đa dạng hóa đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các bên liên quan để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được tốt hơn. Trường cần quan tâm hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Khi tổ chức các hoạt động chung, Trường cần quan tâm đến việc người học khi di chuyển giữa các cơ sở, điểm sinh hoạt để tham gia các hoạt động chung của Trường được thuận lợi hơn.

9. Trường cần ban hành quy định và định kỳ triển khai hoạt động khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng làm việc và các trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học để cải tiến chất lượng; tăng số lượng tài liệu số và đầu tư cung cấp dịch vụ truy cập tài liệu số cho người đọc qua thiết bị di động (app); định kỳ khảo sát mức độ đáp ứng và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng Ngoại ngữ, phòng thực hành Tin học và phòng diễn án. Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng, tăng băng thông đủ mạnh để đảm bảo hoạt động của wifi và mạng nội bộ thông suốt; nâng cấp các hệ thống phần mềm quản lý theo hướng tập trung và liên thông dữ liệu hỗ trợ lãnh đạo trong công tác quản lý và điều hành tương thích với xu hướng chuyển đổi số. Ban hành quy định và triển khai thiết kế các công trình hỗ trợ người khuyết tật ở các khu vực công cộng.

10. Trường/Khoa cần tăng cường tổ chức hội nghị cải tiến chương trình đào tạo với sự tham dự của những nhà khoa học, đại diện nhà tuyển dụng giảng viên đầu ngành để trao đổi và góp ý trực tiếp về những vấn đề mới và xu hướng phát triển ngành Luật Kinh tế trong và ngoài nước. Định kỳ lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan, nhất là các Khoa trong việc sử dụng các quy trình phát triển/cải tiến chương trình đào tạo và ý kiến các chuyên gia ngoài Trường để có thêm cơ sở cải tiến/cập nhật các quy trình này. Trường cần xây dựng riêng quy định rõ ràng về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, làm rõ nội dung yêu cầu việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình đào tạo để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Thường xuyên tổ chức và lưu trữ đầy đủ các thông tin/biên bản họp/hội nghị về việc phổ biến, áp dụng kết quả công trình khoa học, sản phẩm các đề tài nghiên cứu vào việc cải tiến việc dạy và học. Định kỳ tiến hành tổng kết, đánh giá việc sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để cải tiến việc dạy và học của Khoa.

11. Trường/Khoa cần phân tích sâu sắc hơn và dự báo tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp nhằm đưa ra các giải pháp giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp

đúng hạn hiệu quả hơn. Cần thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế với các chương trình đào tạo tương ứng ở các trường đại học khác trong và ngoài nước. Trường cũng cần có chính sách đồng bộ trong việc đa dạng hóa các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học. Việc định kỳ giám sát và đánh giá việc triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước là cần thiết cho sự phát triển của Trường/Khoa.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục thuộc kiến nghị của Hội đồng, đề nghị Nhà trường và Khoa đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Nhà trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định./.